

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2018/DS-PT
Ngày 17 - 9 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 8, ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2018/QĐPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Tấn N, sinh năm: 1944.

Địa chỉ: số 1099A, ấp Long A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Dương Tấn T, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: số 1063/1, ấp Long A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị Mai H, sinh năm: 1952;

2/ Dương Tấn H, sinh năm: 1979;

3/ Dương Tấn Tr, sinh năm: 1983;

4/ Dương Tấn Gi, sinh năm: 1986;

5/ Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, sinh năm: 1989;

6/ Lê Thị Kiều L, sinh năm: 1991.

Người đại diện hợp pháp Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn Tr, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L là Dương Tấn H

Cùng địa chỉ: số 1099A, ấp Long A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

7/ Nguyễn Thị D, sinh năm: 1968;

8/ Dương Minh Đ, sinh năm: 1989;

9/ Dương Kim V, sinh năm: 1991.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị D, Dương Kim V là: Dương Tấn T, sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: số 1063/1, ấp Long A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1/ Dương Tấn Tr, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: số 1099/1, ấp Long A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Dương Tấn L, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: số 1100/1, ấp Long A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Dương Tấn Chặt, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: số 454D/2, ấp Long B, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: ông Dương Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Dương Tấn N với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Tấn H, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn Tr, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L do anh H đại diện trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ ông N là ông Dương Văn H, bà Võ Thị Ng tạo lập. Sau khi ông H chết thì bà Ng đứng ra chia cho ông N diện tích đất 1.770m² thể hiện bằng Biên bản về việc đo đạc diện tích đất ruộng chia cho con vào ngày 10/9/1993. Hộ ông N nhận đất quản lí, sử dụng; đến năm 1994 ông Dương Tấn T (em ruột ông N) tự ý chuyển tên quyền sử dụng đất từ bà Võ Thị Ng sang hộ của ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó bao gồm luôn cả diện tích 1.770m² của ông N được chia. Năm 2015 ông T đồng ý tự nguyện cùng ông N đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên cho gia đình ông N; anh H có thỏa thuận ông T sang tên chuyển nhượng đất xong anh sẽ hỗ trợ số tiền chi phí làm mộ ông, bà là 19.000.000 đồng. Nhưng sau đó ông T không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất nên gia đình ông N khởi kiện yêu cầu công nhận được quyền sử dụng diện tích theo đo đạc là 1.858,3m², đất một phần của thửa 91, tờ bản đồ số 84, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Đất tọa lạc tại ấp Long A, xã Long H, huyện V. Ông N,

anh H không đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền 19.000.000 đồng chi phí làm nhà mồ.

- Bị đơn Dương Tấn T với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D, Dương Kim V do ông T đại diện và Dương Minh Đ trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của cha ông N và ông T là ông Dương Văn H, bà Võ Thị Ng tạo lập; đất tranh chấp cha, mẹ ông đã cho ông và hiện nay do hộ ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó, hộ ông ông T gồm ông T, bà D, anh Đ, chị V chỉ đồng ý tách quyền sử dụng đất cho hộ ông N gồm: ông N, bà Mai H, anh H, anh Tr, anh Gi, chị Thủy Ch, chị Kiều L theo diện tích đất được bà Ng phân chia năm 1993 là 1.770m² đất thuộc một phần của thửa 91, tờ bản đồ số 84, đất tọa lạc ấp Long A, xã Long H. Ông T yêu cầu ông N trả số tiền 19.000.000 đồng chi phí làm nhà mồ cha mẹ. Ông T xin rút yêu cầu ông N trả cho ông T số tiền 1.049.000 đồng chi phí đo đạc khi làm thủ tục tại Ủy ban nhân dân xã Long H.

- Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V quyết định :

1. Công nhận cho hộ ông Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L được quyền sử dụng 1.858,3m² đất (Trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 trở về mốc M1 theo Sơ đồ đo đạc và sơ đồ mốc gởi số: 26 - 2018 ngày 13/6/2017) thuộc một phần thửa 91, tờ bản đồ số 84, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; đất tọa lạc tại ấp Long A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất trong thửa 91, tờ bản đồ số 84, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp Long A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc và sơ đồ mốc gởi số: 26 - 2018 ngày 13/6/2017)

3. Buộc Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L liên đới trả cho Dương Tấn T, Nguyễn Thị D, Dương Minh Đ, Dương Kim V giá trị 88,3m² đất số tiền là 8.830.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Dương Tấn T, Nguyễn Thị D, Dương Minh Đ, Dương Kim V mà Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L chậm trả 8.830.000 đồng thì hàng tháng Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L còn phải liên đới trả cho Dương Tấn T, Nguyễn Thị D,

Dương Minh Đ, Dương Kim V thêm phần lãi, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

5. Bác yêu cầu phản tố của Dương Tấn T về việc: Dương Tấn T yêu cầu Dương Tấn N trả cho Dương Tấn T 19.000.000 đồng chi phí làm nhà mồ cha mẹ.

6. Đình chỉ giải quyết về việc: Dương Tấn T yêu cầu Dương Tấn N trả cho Dương Tấn T 1.049.000 đồng chi phí đo đạc.

7. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí, tạm ứng chi phí:

7.1. Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L phải liên đới chịu: 441.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 3.712.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 09575, ngày 08/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Hoàn trả lại cho Dương Tấn N số tiền chênh lệch là 3.270.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7.2. Dương Tấn T phải chịu: 950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 501.225 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 15404, ngày 24/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Dương Tấn T còn phải nộp 448.775 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7.3. Buộc Dương Tấn N phải nộp 3.176.000 đồng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng. Dương Tấn N đã nộp xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 04/5/2018 ông Dương Tấn T kháng cáo bản án sơ thẩm đất tranh chấp chỉ đồng ý công nhận 1.770m² đất; không đồng ý giao phần diện tích 88,3m², thửa 91, tờ bản đồ số 84 cho hộ gia đình ông Dương Tấn N được sử dụng nếu Tòa án giữ nguyên quyết định trả giá trị diện tích đất 88,3m² thì ông yêu cầu định giá đất lại. Yêu cầu ông N trả cho ông T số tiền 19.000.000 đồng chi phí làm nhà mồ cha mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt ông N, anh H, ông T, anh Đ và các người làm chứng ông Tr, ông L, ông Ch có mặt tham gia phiên tòa. Ông T thay đổi nội dung kháng cáo là không yêu cầu định giá lại giá trị đất tranh chấp. Ông yêu cầu được lấy lại diện tích 88,3m² và yêu cầu ông N trả số tiền 19.000.000 đồng chi phí làm nhà mồ cha mẹ. Ngoài ra không cung cấp thêm chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình.

Ông N không đồng ý theo yêu cầu của ông T vì đất đã được phân chia sử dụng từ năm 1993 đến nay ổn định. Số tiền 19.000.000 đồng thì ông N không có thỏa thuận mà do anh H thỏa thuận với bên ông T; do ông không biết nên

không đồng ý theo yêu cầu ông T. Anh H thừa nhận số tiền 19.000.000 đồng là do anh thỏa thuận với anh Đ (con ông T); nhưng ông T không đồng ý chuyển nhượng đất nên anh H không đồng ý nữa. Ý kiến anh Đ là anh H có thỏa thuận với anh số tiền chi phí làm mồ mã ông bà là 19.000.000 đồng, anh thống nhất ý kiến trình bày của ông T.

Các người làm chứng ông Tr, ông L, ông Ch thống nhất trình bày đất ông N đang sử dụng là được phân chia từ năm 1993; ông N sử dụng đúng vị trí được phân chia vì trước đây đất ông N được chia là ô đất ruộng riêng có bờ ranh phân chia sẵn với đất ông T canh tác. Hiện nay ranh đất giữa ông N với ông T vẫn được giữ nguyên vị trí như lúc được phân chia.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông N là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật; kháng cáo của ông T không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đất tranh chấp có diện tích 1.858,3m² thuộc một phần của thửa 91, tờ bản đồ số 84, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp Long Khánh A, xã Long H, huyện V.

[2] Các đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của cha tên Dương Văn H, mẹ tên Võ Thị Ng tạo lập để lại. Sau khi ông H chết thì vào ngày 10/9/1993 bà Ng đứng ra chia cho ông N diện tích đất 1.770m² thể hiện theo biên bản về việc đo đạc diện tích đất ruộng chia cho con. Gia đình ông N nhận đất sử dụng; năm 1994 ông T chuyển tên quyền sử dụng đất từ bà Võ Thị Ng sang hộ của Dương Tấn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn gồm cả diện tích 1.770m² chia cho ông N; hiện nay qua đo đạc thực tế diện tích là 1.858,3m². Nay hộ ông N yêu cầu hộ ông T sang tên cho hộ ông được quyền sử dụng đất.

[3] Theo ông T thì ông N có thỏa thuận sang tên chuyển nhượng đất sẽ hỗ trợ cho ông T số tiền 19.000.000 đồng chi phí làm nhà mồ cha mẹ nên ông T kiện yêu cầu trả. Ông N, anh H trình bày là anh H có nói điều kiện, khi nào sang tên chuyển nhượng xong thì sẽ đưa tiền cho ông T, nhưng ông T không

thực hiện để phát sinh tranh chấp và không phải do ông N thỏa thuận nên ông N không đồng ý với yêu cầu của ông Ty.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xét các đương sự đã thống nhất nên công nhận 1.770m² đất cho gia đình ông N. Riêng hộ ông N yêu cầu được công nhận thêm diện tích theo đo đạc thực tế là 88,3m² đất, do ông T cũng như người làm chứng là anh em ruột của ông N, ông T là ông Dương Tấn Tr, Dương Tấn L, Dương Tấn Ch cùng xác định từ ngày 10/9/1993 ông N được chia đất đã sử dụng đúng vị trí ranh đất với ông T theo mẹ của các ông là bà Ng đã phân chia đất. Nhưng ông T không chấp nhận, vì đối chiếu với biên bản đo đạc diện tích đất ruộng chia cho con lập ngày 10/9/1993, bà Ng chỉ cắt chia phần đất 1.770m² cho ông N có kích thước mỗi cạnh, giáp với ai, cụ thể rõ ràng, nhưng hộ ông N sử dụng 88,3m² đất ngoài phạm vi được chia nên phản đối của ông Ty là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu hộ ông N. Buộc ông N trả giá trị đất cho hộ ông T theo định giá là 8.830.000 đồng.

[5] Đối với số tiền 19.000.000 đồng chi phí hỗ trợ cho ông T làm nhà mồ cha mẹ của ông N là có điều kiện, khi nào đo đạc và ký tên chuyển nhượng đất thì ông N sẽ đưa tiền cho ông T, nhưng ông T không thực hiện việc sang tên nên ông N không đồng ý theo yêu cầu của ông T. Ông T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác có giá trị pháp lý để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không chấp nhận yêu cầu ông T.

[6] Ông T không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo yêu cầu ông N trả cho ông T trả diện tích đất 88,3m² và số tiền 19.000.000 đồng chi phí làm nhà mồ cha mẹ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm thì ông T cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh thêm cho yêu cầu và kháng cáo của ông. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy ngoài những căn cứ và nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm thì về diện tích đất theo việc phân chia đất ông N sử dụng dư 88,3m² thì trước đây là đất ruộng; đất ông N được chia vào năm 1993 là được phân chia nằm trọn trong 01 ô riêng đã có phân ranh đất sẵn với đất còn lại ông T sử dụng. Từ diện tích đất ruộng ông N mua đất chở về sang lấp nhiều năm hiện nay lên đất vườn trồng quýt; chiều cao mặt đất ông N hiện nay cao hơn đất ông T, phần đất giữa ông N và ông T có con mương ông N dùng bơm tưới cây làm ranh. Do đó ông N sử dụng ổn định nên Tòa án cấp sơ thẩm giữ nguyên hiện trạng đất gia đình ông N và trả giá trị cho ông T là đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận phản kháng cáo này của ông T.

[7] Xét kháng cáo số tiền 19.000.000 đồng, ông T thừa nhận đây là số tiền hỗ trợ chi phí làm mồ mã cha mẹ, ông Ni và anh H đưa là có điều kiện ông T phải làm thủ tục sang tên chuyển nhượng. Tại thời điểm anh H thỏa thuận thì chưa đo đạc diện tích đất thực tế, chưa biết đất ông N sử dụng có dư diện tích theo giấy phân chia; sau khi xác định diện tích ông T không thực hiện việc

sang tên chuyển nhượng đất cho ông N và thỏa thuận này là do anh Dương Tấn H là con ông N hứa hỗ trợ. Ông N không biết và không đồng ý trả ông T; do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T là có căn cứ, đúng với quy định pháp luật. Từ những căn cứ và nhận định trên nên cũng không chấp nhận phần kháng cáo này của ông T.

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; việc đề nghị là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về chi phí, án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1, khoản 2 Điều 26; khoản 5, khoản 7 Điều 166 của Luật đất đai;

Khoản 2, khoản 5 Điều 221, Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban thường Vụ Quốc hội số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009;

Điều 29; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Tấn T

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Công nhận cho hộ ông Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L được quyền sử dụng 1.858,3 m² đất (Trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 trở về mốc M1 theo Sơ đồ đo đạc và sơ đồ mốc gởi số: 26 – 2018 ngày 13/6/2017) thuộc một phần của thửa 91, tờ bản đồ số 84, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp Long Kh A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất trong thửa 91, tờ bản đồ số 84, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp Long A, xã Long H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc và sơ đồ mốc gởi số 26 - 2018 ngày 13/6/2017).

3. Buộc Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L liên đới trả cho Dương Tấn T, Nguyễn Thị D, Dương Minh Đ, Dương Kim V trả giá trị đất số tiền là 8.830.000 đồng .

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Dương Tấn T, Nguyễn Thị D, Dương Minh Đ, Dương Kim V mà Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L đối với số tiền chậm thi hành thì hàng tháng Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L còn phải liên đới trả cho Dương Tấn T, Nguyễn Thị D, Dương Minh Đ, Dương Kim V thêm phần lãi, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

5. Bác yêu cầu phản tố của Dương Tấn T về việc yêu cầu Dương Tấn N trả cho số tiền 19.000.000 đồng chi phí làm nhà mồ cha mẹ.

6. Đình chỉ giải quyết về việc: Dương Tấn T yêu cầu Dương Tấn N trả cho Dương Tấn T 1.049.000 đồng chi phí đo đạc.

7. Án phí, chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm:

7.1. Dương Tấn N, Nguyễn Thị Mai H, Dương Tấn H, Dương Tấn Tr, Dương Tấn Gi, Nguyễn Thị Bích Thủy Ch, Lê Thị Kiều L phải liên đới chịu: 441.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 3.712.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 09575, ngày 08/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Hoàn trả lại cho Dương Tấn số tiền chênh lệch là 3.270.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7.2. Dương Tấn T phải chịu 950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 501.225 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 15404, ngày 24/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp; ông T còn phải nộp 448.775 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7.3. Buộc Dương Tấn N đồng ý chịu 3.176.000 đồng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng. Ông N đã nộp xong.

8. Án phí tố tụng dân sự phúc thẩm:

Dương Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001272, ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp; ông T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm